TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA
Tỉnh Thanh Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2018/HS-ST
Ngày 29/11/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền.

Bà Đỗ Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nga - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn T**, Sinh năm 1958, tại Thanh Hóa, trú tại khu phố 3, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tam (đã chết) và con bà Mạc Thị Côi; Có vợ là Đinh Thị Nụ, có 02 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2017 đến ngày 22/11/2017 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Đỗ Xuân Ph**, Sinh năm 1987, tại Thanh Hóa, trú tại thôn 4, xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân Tý và con bà Đỗ Thị Chung; Có vợ là Lê Thị Trang, có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/11/2017 đến ngày 22/11/2017 tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Bùi Đình N, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: xóm 2, xã Th, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh, Phạm Văn N, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: xóm Th, xã Ph, huyện M, tỉnh Ninh Bình.

Người làm chứng: 1. Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1969. Vắng mặt

2. Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1971. Vắng mặt

Đều trú tại: thôn 7, xã Qu, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09^h 30 phút ngày 12/11/2017, sau khi nhập xong da trâu cho anh Trịnh Văn Đ ở xã Qu, Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph(là lái xe cho T) gặp anh Bùi Đình N, sinh năm 1992 ở xã Th, huyện M, tỉnh Ninh Bình điều khiển xe tải biển số 35C - 041.76 chở Phạm Văn N, sinh năm 1972 ở Ph, huyện M, tỉnh Ninh Bình cũng đến nhà anh Đ để nhập da trâu. Do trước đó Tân và Phạm Văn N có làm ăn, mua bán da trâu với nhau, theo T trong quá trình mua bán, anh Phạm Văn N còn nợ T số tiền 41.700.000đ nên T đòi nợ Phạm Văn N. Lúc này phạm Văn N có mang theo trong người số tiền 37.100.000đ, sợ bị T lấy nợ nên anh Phạm Văn N gọi anh Bùi Văn N ra ca bi xe ô tô rồi đưa số tiền 37.100.000đ cất giấu vào trong người. Thấy Phạm Văn N có tiền nhưng không trả cho mình mà đưa cho Bùi Đình N cất giấu nên giữa Tân và Phạm Văn N xảy ra xô sát, xô đẩy nhau, T đấm vào mũi, vào miệng anh Phạm Văn N, trong lúc xô xát T cũng bị thương ở ngực trái. Anh Đ, anh Bùi Đình N và mọi người can ngăn, đưa anh Phạm Văn N vào nhà. T đi lại chỗ anh Bùi Đình N đang đứng hỏi về việc anh Phạm Văn N đưa tiền, thấy Bùi Đình N không có phản ứng gì, T cầm lấy tay phải của anh Bùi Đình N kéo ra phía sau, rồi bảo Ph thò tay vào túi quần bên phải của anh Bùi Đình N lấy toàn bộ số tiền trước đó anh Phạm Văn N đưa anh Bùi Đình N cất giấu. Sau đó Đỗ Xuân Ph đếm toàn bộ số tiền chiếm đoạt được là 37.100.000đ rồi đưa lại cho T cất giữ.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 13h 15 ngày 12/11/2017 anh Phạm Văn N bị những vết thương sau: vùng cánh mũi, vùng miệng bị thâm, sưng nề. Anh Phạm Văn N đã từ chối giám định và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Sau khi phạm tội, biết không thể trốn tránh pháp luật, Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph đến Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa đầu thú, giao nộp số tiền 37.100.000đ và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong lúc xô sát với anh Phạm Văn N, Nguyễn Văn T cũng bị thương, thể hiện tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 12h 20

ngày 13/11/2017 Nguyễn Văn T bị những vết thương sau: Tại vùng ngực trái có vết thâm sưng không rõ hình, kích thước 5cm x 4,5 cm.

Vật chứng của vụ án là số tiền 37.100.000đ (Ba mươi bảy triệu một nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 58/VKS-HH ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa ngày 23/8/2018 Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa đã Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung về hành vi dùng vũ lực với mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị cáo có dấu hiệu cấu thành tội khác với cáo trạng đã truy tố.

Tại bản cáo trạng số 111/CT-VKSHH ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b,s,t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1,2 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự (đối với Nguyễn Văn T) và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1,2 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Đỗ Xuân Ph. Về hình phạt đề nghị mức án đối với Nguyễn Văn T 36 tháng tù cho hưởng án treo; Đối với Đỗ Xuân Ph 24 tháng tù cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng số 111/CT-VKSHH ngày 15/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa đã truy tố, đồng ý với Bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 09^h 30 phút ngày 12/11/2017, tại nhà anh Trịnh Văn Đ ở xã Qu, Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph(là lái xe cho T) gặp anh Bùi Đình N, sinh năm 1992 ở xã Th, huyện M, tỉnh Ninh Bình điều khiển xe tải biển số 35C - 041.76 chở Phạm Văn N, sinh năm 1972 ở Ph, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Do trước đó Tân và Phạm Văn N có làm ăn, mua bán da trâu với nhau, theo T trong quá trình mua bán, anh Phạm Văn N còn nợ T số tiền 41.700.000đ nên T đòi nợ Phạm Văn N. Lúc này phạm Văn N có mang theo trong người số tiền 37.100.000đ, sợ bị T lấy nợ nên anh Phạm Văn N gọi anh Bùi Văn N ra ca bi xe ô tô rồi đưa số tiền 37.100.000đ cất giấu vào trong người. Thấy Phạm Văn N có tiền nhưng không trả cho mình mà đưa cho Bùi Đình N cất giấu nên giữa T và Phạm Văn N xảy ra xô sát, xô đẩy nhau, T đấm vào mũi, vào miệng anh Phạm Văn N làm anh N chảy máu mồm, sau đó được anh Đ và mọi người can ngăn, đưa anh Phạm Văn N vào nhà. T đi lại chỗ anh Bùi Đình N đang đứng hỏi về việc anh Phạm Văn N đưa tiền, thấy Bùi Đình N không có phản ứng gì vì sợ, T túm tay phải của anh Bùi Đình N vặn ra đằng sau, rồi bảo Ph thò tay vào túi quần bên phải của anh Bùi Đình N lấy toàn bộ số tiền trước đó anh Phạm Văn N đưa anh Bùi Đình N cất giấu. Sau đó Đỗ Xuân Ph đếm trước mặt mọi người toàn bộ số tiền chiếm đoạt được là 37.100.000đ rồi đưa lại cho Tân cất giữ.

Hành vi dùng vũ lực của bị cáo T đối với anh Phạm Văn N làm cho anh N bị chảy máu mồm và tiếp sau đó là vặn tay anh Bùi Đình N ra đằng sau đã làm cho anh Bùi Đình N hoàn toàn bị tê liệt về ý chí nên khi T bảo Ph móc tiền trong túi quần của anh Bùi Đình N thì anh N không có phản ứng gì. Đối với Ph tuy không dùng vũ lực đối với anh N nhưng biết và chứng kiến bị cáo Tân đã dùng vũ lực đối với anh Phạm Văn N và đang bẻ tay anh Bùi Đình N ra phía sau nhưng khi bị cáo T sai khiến móc tiền từ trong túi quần của anh Bùi Đình N và đưa cho T. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Thời điểm xét xử sơ thẩm và Bộ luật Hình sự số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự năm 2015) đã có hiệu lực thi hành nhưng các bị cáo phạm tội trước $0^h00'$ ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà theo quy định về tội "Cướp tài sản"; khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017 không có thay đổi nên được áp dụng

các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

[4]. *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Mặc dù nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc gia đình anh Phạm Văn N có nợ của bị cáo T, khi gặp nhau có tiền mà không trả lại tìm cách cất giấu nhưng đó chỉ là giao dịch dân sự và luật dân sự điều chỉnh, lẽ ra bị cáo T lựa chọn hướng giải quyết vấn đề đòi nợ bằng việc yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết thì bị cáo lại dùng vũ lực với mục đích để lấy số tiền mà anh Phạm Văn N đem theo và đã gửi anh Bùi Đình N cất dấu. Hành vi đó của các bị cáo đã cấu thành tội phạm mà Luật hình sự điều chỉnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Các bị cáo khi thực hiện hành vi cướp tài sản không có sự bàn bạc, câu kết với nhau từ trước, cho nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và khi áp dụng hình phạt cần phải được phân hóa vai trò cụ thể, đồng thời, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của mỗi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người dùng vũ lực đối với anh Phạm Văn N và anh Bùi Đình N và sai khiến Đỗ Xuân Ph móc tiền từ trong túi quần của anh Bùi Đình N nên bị cáo T có vai trò thứ nhất trong vụ án; Đối với Đỗ Xuân Ph là người trực tiếp giúp sức cho T trong việc móc tiền từ trong túi quần của anh Bùi Đình N và sau đó giao cho T nên bị cáo Ph có vai trò sau bị cáo T.

[5]. *Xét về tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận bồi thường về dân sự, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị cáo T trong giai đoạn chờ xử lý vụ án đã có Công giúp cơ quan điều tra Công an huyện Thọ Xuân trong việc tố giác tội phạm; Bố của bị cáo T là người có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, t (đối với bị cáo Tân) khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để lượng giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Bị

cáo Ph có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51, là người phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng vai trò không đáng kể nên mặc dù bị cáo có khung hình phạt nhẹ nhất của điều luật nhưng Hội đồng xét xử cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Ph.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cần áp dụng quy định tại khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo thành người có ích xho xã hội.

[6] *Về bồi thường dân sự:* Giữa các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận bồi thường xong về dân sự, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Số tiền 37.100.000đ (Ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền các bị cáo chiếm đoạt trong túi quần của anh Bùi Đình N nhưng thực tế số tiền đó là của anh Phạm Văn N gửi anh Bùi Đình N cất giữ nên tại biên bản thỏa thuận ngày 23/8/2018. Anh Bùi Đình N và anh Phạm Văn N đề nghị Tòa án trả lại số tiền đó cho anh Phạm Văn N nên cần trả lại trực tiếp cho anh Phạm Văn N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph phạm tội "Cướp tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1,2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03(ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1,2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân Ph 02(hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Xuân Ph cho UBND xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa giám sát trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Trả lại cho anh Phạm Văn N số tiền 37.100.000đ (*Ba mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0817 ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Đỗ Xuân Ph mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa.*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa.*
- *Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa.*
- *Cơ quan THA hình sự huyện Hoằng Hóa.*
- *Chi cục THA dân sự huyện Hoằng Hóa.*
- *Các bị cáo, người bị hại, người liên quan*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.*
- *UBND xã*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa